

Bản án số: 07/2022/KDTM-PT

Ngày: 11/3/2022

*V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Tính.

2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký TAND tỉnh BN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2021/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2021/QĐPT-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Giấy THN; trụ sở: Khu D, phường PK, thành phố BN, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đ - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Quốc H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 48 TH, phường NX, thành phố BN. Có mặt;

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Đầu tư thương mại DDVN; trụ sở: Lô 8, khu công nghiệp TH, thành phố TS, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Đình V, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 105 NX, phường HĐ, quận TX, thành phố HN. Có mặt;

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH Đầu tư thương mại DDVN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm và bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Phạm Quốc H trình bày: Công ty TNHH Giấy THN (viết tắt là Nguyên đơn) hoạt động về lĩnh vực sản xuất kinh doanh giấy. Năm 2020, Nguyên đơn có dự định mở rộng sản xuất kinh doanh nên có nhu cầu mua thiết bị máy móc. Theo thông tin của các khách hàng làm ăn cùng, ông biết được công ty TNHH Đầu tư thương mại DDVN (viết tắt là Bị đơn) có trụ sở tại thôn G, xã TP, huyện TD, tỉnh BN do chị Đinh Thị T là Tổng giám đốc có thể mua được máy móc làm giấy nên bên ông đến gặp gỡ Bị đơn trao đổi nhu cầu mua máy.

Ngày 21/11/2020, giữa Nguyên đơn và Bị đơn có ký kết hợp đồng (viết tắt là HĐ) mua bán hàng hóa cụ thể là Nguyên đơn đặt mua máy của Bị đơn loại máy xeo lưới dài 3800m. Giá trị của HĐ là: 15.500.000.000đ, thuế GTGT 10%: 1.550.000.000đ, tổng giá trị HĐ bao gồm cả thuế là: 17.050.000.000đ, thời gian giao hàng là 90 ngày kể từ ngày ký HĐ. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại Điều 6 của HĐ cụ thể:

Lần 1: Nguyên đơn thanh toán 15% giá trị HĐ ngay sau khi ký kết.

Lần 2: Nguyên đơn thanh toán tiếp 15% ngay khi Bị đơn gửi video hình ảnh báo cáo tiến hành tháo máy cho Nguyên đơn.

Lần 3: Nguyên đơn thanh toán 60% giá trị HĐ khi nhận được thông báo hàng thông quan tại Việt Nam của Bị đơn (thanh toán theo thực tế số lượng hàng về). Do máy gồm nhiều bộ phận nên mới quy định là thanh toán theo thực tế số lượng hàng về.

Lần 4: Nguyên đơn thanh toán 10% giá trị HĐ trong vòng 60 ngày tính từ ngày Bị đơn giao máy nghiệm thu (tức là Nguyên đơn nhận máy lắp đặt xong chạy sản phẩm đúng tốc độ và chất lượng thì thanh toán 10% này).

Sau khi ký kết HĐ, Nguyên đơn đã chuyển tiền cho Bị đơn, cụ thể: Ngày 10/12/2020 chuyển 2.300.000.000đ; ngày 23/3/2021 chuyển 2.000.000.000đ.

Việc giao dịch giữa hai bên chủ yếu liên lạc với nhau bằng điện thoại và tin nhắn. Trong suốt quá trình giao dịch, Nguyên đơn liên tục nhắn tin thúc giục Bị đơn tuy nhiên Bị đơn chủ yếu do chị Thu trực tiếp nhắn tin liên lạc luôn khất lần rồi thất hứa.

Ngày 13/5/2021, Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi biết Nguyên đơn khởi kiện thì chị T lại gửi hình ảnh nói đã đóng hàng và hẹn làm việc nhưng nội dung Bị đơn cần làm là đóng và gửi hàng cho Nguyên đơn

thì đều không thấy. Chị T liên tục trao đổi thông tin (nhắn tin) nhưng chỉ là hẹn chứ không có hàng về. Do cũng là lần đầu làm việc và tin nhau nên Nguyên đơn chuyển tiền lần 2 cho Bị đơn trước mặc dù chị T chưa làm đúng tiến độ như đã thoả thuận.

Đến nay thời gian đã lâu, do sự chậm chễ giao máy của Bị đơn khiến cho Nguyên đơn gặp phải rất nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, gây thiệt hại về kinh tế cho Nguyên đơn và cũng do sự chậm chễ của máy móc khiến hoạt động của Nguyên đơn không tiến hành được như dự định.

Bị đơn không có máy để giao cho Nguyên đơn đồng thời không gấp gở làm việc với Nguyên đơn. Vì vậy, Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Bị đơn trả lại số tiền đã nhận của Nguyên đơn là 4.300.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Trường hợp Bị đơn có máy để giao thì Nguyên đơn đồng ý nhận máy và thanh toán số tiền còn lại theo HĐ sau khi đã kiểm định chất lượng máy móc vận hành đúng như quy định.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Đình Việt trình bày: Bị đơn xác nhận nội dung trình bày của Nguyên đơn về nội dung ký kết HĐ là đúng. Bị đơn là công ty chuyên về nhập máy móc thiết bị từ Trung Quốc và bán lại cho các công ty ở Việt Nam. Đây là lần đầu tiên Bị đơn với Nguyên đơn giao dịch với nhau.

Tại HĐ số 21112020/DD-HN/HĐMBHH ngày 21/11/2020, Nguyên đơn đặt mua máy của Bị đơn: 01 máy xeo lưới dài 3800m, trị giá HĐ là 15.500.000.000đ (tính cả thuế là 17.050.000.000đ). Đây là HĐ được công nhận giữa hai bên trong ngày 21/11/2020. Cùng ngày hai công ty còn ký kết 01 HĐ trị giá 18.500.000.000đ nữa nhưng hai bên đã thỏa thuận hủy và ký kết lại bằng HĐ trị giá 15.500.000.000đ. Vì hủy HĐ đó nên khi Nguyên đơn chuyển cho Bị đơn 03 tỷ theo giấy Ủy nhiệm chi ngày 15/12/2020 thì Bị đơn có trả lại Nguyên đơn 03 tỷ chênh lệch giữa HĐ đã hủy và HĐ ký lại. Đến nay Bị đơn chỉ công nhận HĐ số 21112020/DD-HN/HĐMBHH ngày 21/11/2020 trị giá 15.500.000.000đ (tính cả thuế là 17.050.000.000đ) ký với Nguyên đơn.

Sau khi ký HĐ, ngày 10/12/2020 Bị đơn đã nhận 2.300.000.000đ do Nguyên đơn chuyển khoản.

Ngày 26/12/2020, là ngày đầu tiên Bị đơn gửi Video tháo máy cho Nguyên đơn tuy nhiên vì thời gian đó liên quan đến dịch Covid-19 nên Bị đơn cũng

không giục Nguyên đơn về việc chuyển tiền. Đến ngày 12/3/2021 khi dịch Covid-19 ổn định, Bị đơn đã gửi Nguyên đơn giấy đề nghị thanh toán để Bị đơn tiếp tục thực hiện HĐ.

Ngày 23/3/2021, Nguyên đơn chuyển khoản cho Bị đơn 2.000.000.000đ.

Tổng hai lần chuyển tiền của Nguyên đơn chưa đủ 30% tổng giá trị HĐ đã thỏa thuận. Ngày 18/5/2021, Bị đơn đã tháo hết máy và đóng máy chỉ chờ Nguyên đơn chuyển đủ tiền là chuyển hàng về Việt Nam nhưng do Nguyên đơn không chuyển tiền nên Bị đơn để hàng ở cửa khẩu một thời gian dài không chuyển về Việt Nam. Sau đó Bị đơn đã chuyển lại hàng vào kho của nhà cung cấp ở Trung Quốc.

Quan điểm của Bị đơn không đồng ý tiếp tục thực hiện HĐ. Bị đơn có đơn yêu cầu phản tố: Đề nghị Tòa án tuyên hủy HĐ số 21112020/DD-HN/HĐMBHH ngày 21/11/2020 giữa hai bên; không đồng ý trả lại Nguyên đơn 4.300.000.000đ tiền đặt cọc; yêu cầu Nguyên đơn bồi thường thiệt hại do HĐ bị hủy là 516.040.000đ.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Huy trình bày: Trong ngày 21/11/2020, hai bên có ký kết HĐ trị giá 18.500.000.000đ nhưng sau đó đã thỏa thuận hủy và thay thế bằng HĐ số 21112020/DD-HN/HĐMBHH ngày 21/11/2020 trị giá 15.500.000.000đ, Bị đơn đã trả lại Nguyên đơn 3.000.000.000đ mà Nguyên đơn đã chuyển trước đó theo giấy Ủy nhiệm chi ngày 15/12/2020. Cho đến nay, Nguyên đơn vẫn không nhận được video tháo máy nào của Bị đơn gửi.

Bị đơn cho rằng: Ngày 18/5/2021, đã tháo hết máy và đóng máy chỉ chờ Nguyên đơn chuyển đủ tiền là chuyển hàng về Việt Nam nhưng do Nguyên đơn không chuyển tiền nên Bị đơn để hàng ở cửa khẩu một thời gian dài không chuyển về Việt Nam là không đúng. Thực tế việc gửi hàng (máy) Bị đơn đề cập với Nguyên đơn từ tháng 4/2021, cụ thể:

Ngày 02/4/2021, chị Thu nhắn tin sẽ gửi hàng cho Nguyên đơn theo lịch từ ngày 06/4/2021 bắt đầu xếp xe và sẽ chuyển máy về hết trong vòng 30 ngày. Tuy nhiên, đến ngày 06/4/2021 anh Thắng lại báo băng máy đang trong quá trình làm mới cuối tuần xong mới phân lô, khi nào đóng xe sẽ báo sau. Đến ngày 10/4/2021, Nguyên đơn vẫn chỉ nhận được hình ảnh đang làm mới băng máy chứ chưa thấy chuyển máy đóng xe.

Ngày 11/4/2021, chị Thu lại nhắn tin là thứ 3 (ngày 13/4) mới đóng xe. Ngày 15/4 Nguyên đơn tiếp tục hỏi tình hình đóng hàng thì Bị đơn nói “Môi

trường kiểm tra chặt nên mai đóng xe”. Những ngày tiếp theo Nguyên đơn giục còn Bị đơn luôn nhất lần và không thấy đóng máy lên xe.

Ngày 27/4/2021, chị Thu nhắn tin “*đang xếp xe*” nhưng cũng không thấy hình ảnh xếp xe; sau đó chị Thu lại nhắn tin là “*đang tìm xe*”. Liên tục những ngày sau Nguyên đơn thúc giục, chị Thu vẫn nói đóng xe rồi nhưng chờ không có hình ảnh rồi cũng không thấy hàng trong khi Nguyên đơn đã đầu tư xưởng đầy đủ chỉ chờ máy về là đi vào hoạt động. Chính vì những nội dung đó khiến cho công Nguyên đơn càng mất niềm tin vào Bị đơn.

Quá trình giải quyết tại tòa án, chị Thu luôn tránh mặt thậm chí còn đổ lỗi do Nguyên đơn khởi kiện nên Bị đơn không muốn bán hàng cho Nguyên đơn và yêu cầu hủy HĐ mua bán giữa hai bên. Nhưng Nguyên đơn vẫn đồng ý mua máy và thanh toán tiền theo HĐ, tuy nhiên về thời gian giao máy như thế nào Bị đơn phải có Bản cam kết rõ ràng với Nguyên đơn. Trường hợp Bị đơn không có loại máy như đã ký kết theo HĐ mà có loại máy khác tương đương loại máy Nguyên đơn đặt mua thì Nguyên đơn vẫn thiện chí mua trên cơ sở thỏa thuận hợp lý giữa hai bên do Nguyên đơn rất cần máy để đi vào hoạt động.

Nếu Bị đơn không có máy để bán hoặc không muốn bán hàng cho Nguyên đơn nữa mà giữ nguyên yêu cầu phản tố thì Bị đơn nhất trí việc Bị đơn yêu cầu hủy HĐ mua bán hàng hóa giữa hai bên. Về hậu quả của việc hủy HĐ: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả lại 4.300.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn không có thiệt hại từ việc này nên Nguyên đơn không nhất trí bồi thường theo yêu cầu của Bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn (ông Việt) trình bày: Bị đơn xác định đến nay không có và không thể mua được loại máy như trong HĐ hai bên ký kết để bán cho Nguyên đơn. Khi biết thông tin Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn nghĩ rằng Nguyên đơn sẽ không mua máy nữa và như vậy Bị đơn sẽ không có tiền để tiếp tục thanh toán tiền máy đối với bên bán máy. Vì thế, để giảm thiệt hại có thể xảy ra Bị đơn đã quyết định trả lại máy cho bên bán máy và không mua máy nữa. Đối với quyết định này Bị đơn không thông báo cho Nguyên đơn vì lúc đó Nguyên đơn đã khởi kiện.

Trong thời gian làm việc tại Tòa án, Bị đơn có tìm được hai mẫu máy để thông báo đến Nguyên đơn với mong muốn hòa giải giữa hai bên, cụ thể: 01 mẫu máy Bị đơn đã gửi đến Tòa án ngày 29/10/2021, loại máy xeo giấy 2 lưới xếp chồng Model 3800, mẫu máy này theo thông tin Bị đơn tìm hiểu thì có giá trị khoảng 30 tỷ (chưa gồm thuế); 01 mẫu máy loại máy xeo giấy lưới dài, loại

máy này có giá 22 tỷ (cả thuế khoảng 24.200.000.000đ). Thông số kỹ thuật cũng như cấu hình chi tiết có gửi kèm theo của từng loại máy và về giá cả của máy có thể thương lượng thêm giữa hai bên nếu Nguyên đơn thiện chí lấy máy. Hiện tại, Bị đơn chỉ có thể tìm mua được hai mẫu máy này còn nếu Nguyên đơn muốn lấy máy tương đồng với máy trước đây đã đặt thì cần có thêm thời gian để Bị đơn tìm hàng. Vì hiện tại việc tìm và mua máy rất khó khăn và Nguyên đơn phải chấp nhận mức giá khác so với HĐ do giá thành của máy móc đã tăng cao. Nếu Nguyên đơn đồng ý thay đổi về giá máy (giá tính theo tại thời điểm Bị đơn tìm được máy) thì Bị đơn sẽ cố gắng tìm được máy lắp ráp tương đồng với máy mà Nguyên đơn đã đặt hàng. Nếu Nguyên đơn không đồng ý các phương án trên thì Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

Đối với đề xuất của đại diện theo ủy quyền của Bị đơn, ông Huy trình bày:

Nguyên đơn không đồng ý với hai mẫu máy mà Bị đơn đưa ra tại phiên tòa bởi: Thứ nhất, giá thành của các mẫu máy đó quá cao trong khi tốc độ của cả hai loại máy này đều kém hơn so với loại máy mà Nguyên đơn đặt mua theo HĐ.

Thứ hai, đối với loại máy tương đồng như Bị đơn nêu ra lại là máy lắp ráp thì chất lượng sẽ không đảm bảo bởi máy của Nguyên đơn đặt mua theo HĐ tuy là máy cũ nhưng là máy nguyên khối nên chất lượng hoạt động sẽ ổn định và tốt hơn máy lắp ráp. Không những thế, việc chậm trễ giao máy là do lỗi của Bị đơn do Bị đơn tự ý trả máy, không giao máy lại bắt Nguyên đơn phải chịu thêm chi phí của việc gia tăng giá máy là vô lý. Nguyên đơn không đồng ý chờ đợi nữa mà đề nghị xét xử theo pháp luật. Nếu Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố thì Nguyên đơn cũng nhất trí việc Bị đơn đề nghị hủy HĐ mua bán hàng hóa và không đồng ý bồi thường cho Bị đơn.

Với nội dung trên, tại Bản án số 02/2021/KDTM-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TD đã “Áp dụng các điều 423, 424, 427, 429, 430, 433, 434, 435, 436, 440, 442 BLDS; Căn cứ các điều 24, 34, 35, 36, 37, 42, 50, 51, 55, 56, 296, 297, 298, 304, 312, 313, 314 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH Giấy THN.

Công nhận sự thỏa thuận của Nguyên đơn và Bị đơn về việc hủy HĐ mua bán hàng hóa số 21112020/DD-HN/HĐMBHH ngày 21/11/2020.

Buộc Bị đơn có trách nhiệm trả lại cho Nguyên đơn số tiền đã nhận là 4.300.000.000đ (Bốn tỷ ba trăm triệu đồng)

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn về việc yêu cầu Nguyên đơn bồi thường thêm số tiền 516.040.000đ”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/11/2021, Bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện theo ủy quyền của Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, rút yêu cầu phản tố yêu cầu hủy HĐ và bồi thường 516.040.000đ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tố tụng: Đơn kháng cáo của Bị đơn nộp trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Ngày 21/11/2020, Nguyên đơn và Bị đơn có ký HĐ số 21112020/DD-HN/HĐMBHH, như vậy giữa hai bên đã phát sinh hoạt động thương mại mua bán hàng hóa. Trong HĐ thỏa thuận, Nguyên đơn đặt mua hàng của Bị đơn. Đối tượng hàng hóa mua bán là: 01 máy xeo lưới dài 3800m, trị giá HĐ là 15.500.000.000đ, thuế GTGT 10%: 1.550.000.000đ, tổng giá trị HĐ bao gồm cả thuế là: 17.050.000.000đ. Thời gian giao hàng là 90 ngày kể từ ngày ký HĐ. Việc thanh toán tiền thực hiện theo quy định tại Điều 6 của HĐ cụ thể:

Lần 1: Thanh toán 15% giá trị HĐ ngay sau khi ký kết;

Lần 2: Thanh toán tiếp 15% ngay khi Bị đơn gửi video hình ảnh báo cáo tiến hành tháo máy cho Nguyên đơn;

Lần 3: Thanh toán 60% giá trị HĐ khi nhận được thông báo hàng thông quan tại Việt Nam của bên bán (thanh toán theo thực tế số lượng hàng về).

Lần 4: Thanh toán 10% giá trị HĐ trong vòng 60 ngày tính từ ngày Bị đơn giao máy nghiệm thu (tức là Nguyên đơn nhận máy lắp đặt xong chạy sản phẩm đúng tốc độ và chất lượng).

[2.2]. Quá trình thực hiện HĐ: Các bên đều trình bày, do sau khi ký kết HĐ hai bên còn bàn bạc tiếp về điều khoản HĐ chưa thống nhất (ngày 02/12/2020, Nguyên đơn vẫn nhấn tin về điều khoản của HĐ) nên sau khi thống nhất, Nguyên đơn đã chuyển cho Bị đơn như sau:

Lần 1: Ngày 10/12/2020, chuyển 2.300.000.000đ là số tiền thanh toán lần 1 theo HĐ. Nếu tính 15% giá trị HĐ chưa bao gồm thuế GTGT thì phải thanh toán lần 1 là 2.325.000.000đ nhưng Nguyên đơn chuyển khoản tròn là 2.300.000.000đ và Bị đơn cũng nhất trí việc chuyển tròn tiền không yêu cầu chuyển nốt số lẻ.

Lần 2: Ngày 23/3/2021, chuyển 2.000.000.000đ. Đối với lần chuyển tiền này, Nguyên đơn cho rằng đã nhân nhượng chuyển tiền trước chứ Bị đơn chưa thực hiện đúng thỏa thuận trong HĐ để được chuyển tiền vì Bị đơn chưa gửi hình ảnh tháo máy cho Nguyên đơn. Nhưng Bị đơn lại cho rằng ngày 26/12/2020 là ngày đầu tiên Bị đơn gửi video tháo máy cho Nguyên đơn. Thời gian đó do dịch covid nên Bị đơn cũng không giục Nguyên đơn chuyển tiền, đến ngày 12/3/2021 dịch đã đỡ hơn nên Bị đơn có văn bản đề nghị Nguyên đơn chuyển tiền theo quy định.

Ngày 23/3/2021, Bị đơn nhận được 2.000.000.000đ của Nguyên đơn gửi. Đối với thời gian chuyển tiền Bị đơn không có ý kiến, vì thời gian đó vẫn ảnh hưởng của dịch covid nên Bị đơn cũng chấp nhận về thời gian chuyển tiền của Nguyên đơn. Tuy nhiên tổng hai lần chuyển tiền của Nguyên đơn chưa đủ 30% tổng giá trị HĐ theo như thỏa thuận. Cho đến ngày 18/5/2021 do vẫn chưa thấy Nguyên đơn chuyển đủ tiền nên Bị đơn mới không chuyển hàng về cho Nguyên đơn mà cho chở hàng quay lại kho.

Về vấn đề này, HĐXX thấy rằng: Ngày 26/12/2020, Bị đơn có gửi hình ảnh cho Nguyên đơn tuy nhiên nội dung hình ảnh không hề có hoạt động tháo máy như Bị đơn trình bày và theo nội dung nhấn tin qua lại giữa hai bên thì đến đầu tháng 3/2021 Bị đơn vẫn nhấn tin giải trình về việc chậm giao hàng do thủ tục làm từng bước và đề nghị Nguyên đơn thông cảm cho sự chậm trễ. Ngày 09/3/2021, Bị đơn nhấn tin với nội dung máy đã vào được xưởng và mai bắt đầu

tháo máy. Tiếp đó, đến ngày 10/3/2021 Bị đơn lại tiếp tục nhắn tin với lý do đợi quản lý đến quay vì thợ không biết quay quá trình tháo máy.

Như vậy, đến tháng 3/2021 Bị đơn vẫn chưa hề có video báo cáo tiến hành tháo máy cho Nguyên đơn như cam kết tại HĐ. Việc Bị đơn cho rằng video đã gửi cho Nguyên đơn ngày 26/12/2020 chính là video tháo máy theo như nội dung HĐ là không có căn cứ.

[2.3]. Xem xét việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của Bị đơn về hủy HĐ và bồi thường 516.040.000đ, HĐXX thấy:

Ngày 12/03/2021, Bị đơn gửi cho Nguyên đơn yêu cầu thanh toán nốt số tiền theo thỏa thuận của HĐ vì Bị đơn đã gửi video hình ảnh báo cáo tiến trình tháo máy nhưng Nguyên đơn không thực hiện chuyển tiền như cam kết. Tuy nhiên, theo như phân tích ở trên thì đến nay Bị đơn cũng không có video nào chứa hình ảnh của hoạt động tháo máy. Mặt khác, tại nội dung tin nhắn trong Vi bằng do Bị đơn cung cấp cũng thể hiện rõ nội dung tin nhắn giữa hai bên về việc chuyển tiền lần thứ hai; nội dung tin nhắn thể hiện Nguyên đơn chuyển tiền cho Bị đơn sớm vì Bị đơn chưa xuất được bản vẽ móng cho Nguyên đơn và Nguyên đơn xác định Bị đơn làm đúng sẽ chuyển khoản đủ. Việc Bị đơn gửi giấy đề nghị Nguyên đơn thanh toán tiền lần 2 ngày 12/3/2021 là không có căn cứ.

Như vậy, Nguyên đơn không vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Bị đơn mà do Bị đơn vi phạm HĐ trong việc gửi video tháo lắp máy và không giao máy đúng thời hạn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố về hủy HĐ và bồi thường nhưng Nguyên đơn không đồng ý. Do đó, cần hủy HĐ đã ký kết giữa các bên và buộc Bị đơn phải trả lại Nguyên đơn số tiền đã nhận là 4.300.000.000đ.

[2.4]. Đối với việc Bị đơn không nhất trí trả lại khoản tiền đặt cọc 4.300.000.000đ cho Nguyên đơn, HĐXX nhận thấy:

Bị đơn không đồng ý trả lại tiền đặt cọc với lý do số tiền đó Bị đơn đã chuyển tiền đặt mua máy. Khi Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn cho rằng Nguyên đơn không mua máy nữa nên đã thông báo và trả lại máy cho công ty bán máy, chiếc máy đó giờ họ đã bán cho người khác còn về tiền bán máy như thế nào Bị đơn chưa giải quyết được với họ nên toàn bộ tiền Bị đơn chưa giải quyết thì là thiệt hại của Bị đơn nên Nguyên đơn phải chịu.

Để chứng minh cho nội dung trình bày này Bị đơn có xuất trình Bản phô tô HĐ mua bán thiết bị ngày 12/12/2020; bản phô tô các chứng từ chuyển tiền

trong đó có một khoản tiền được gửi thông qua việc Bị đơn ủy quyền cho anh Đinh Văn Hải chuyển khoản tiền 400.000NDT. Tuy nhiên, anh Hải cũng có công ty hoạt động về lĩnh vực máy móc nên việc anh Hải chuyển tiền mua máy không xác định được anh Hải mua máy cho công ty anh Hải hay cho Bị đơn. Văn bản ủy quyền chỉ do Bị đơn soạn thảo và đóng dấu, không có công chứng, chứng thực nên việc ủy quyền này có thực hay không cũng không thể xác định được.

Tòa án đã yêu cầu Bị đơn xuất trình chứng cứ gốc của các chứng từ chuyển tiền để đối chiếu. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của Bị đơn cũng xác định không có bản gốc của chứng từ chuyển tiền đồng thời đại diện theo ủy quyền của Bị đơn xác định đây là chứng cứ Bị đơn nộp để chứng minh việc Bị đơn chuyển tiền đi mua máy cho Nguyên đơn là có thật, còn giao dịch mua bán giữa Bị đơn với công ty bán máy là quan hệ mua bán riêng không liên quan đến Nguyên đơn. Bị đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết việc mua máy móc của mình theo HĐ này nên từ chối việc cung cấp chứng từ gốc. Các chứng cứ Bị đơn xuất trình về HĐ, chứng từ chuyển tiền là các bản phô tô và đến nay Bị đơn cũng từ chối xuất trình bản gốc nên những tài liệu này không có giá trị pháp lý.

Bị đơn trình bày vì Nguyên đơn khởi kiện nên cho rằng Nguyên đơn không tiếp tục mua máy nữa mà tự ý trả lại máy cho công ty bán máy và không thông báo cho Nguyên đơn là vô lý. Vì trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm Nguyên đơn luôn có thiện chí mua máy, việc Bị đơn tự ý trả máy không muốn bán máy cho Nguyên đơn là lỗi của Bị đơn nên Bị đơn phải hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc cho Nguyên đơn là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ mới để HĐXX xem xét nên kháng cáo của Bị đơn không được chấp nhận. Vì vậy, cần bác kháng cáo của Bị đơn, không chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của Bị đơn về việc hủy HĐ và bồi thường thiệt hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Áp dụng các Điều 423, 424, 427, 429, 430, 433, 434, 435, 436, 440, 442 Bộ luật dân sự; Điều 24, 34, 35, 36, 37, 42, 50, 51, 55, 56, 296, 297, 298, 304, 312, 313, 314 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn.

Không chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của Bị đơn về việc hủy hợp đồng mua bán hàng hóa số 21112020/DD-HN/HĐMBHH ngày 21/11/2020 và đòi Nguyên đơn bồi thường 516.040.000đ.

Buộc Công ty TNHH Đầu tư thương mại DDVN phải trả lại cho Công ty TNHH Giấy THN số tiền đã nhận là 4.300.000.000đ (*bốn tỷ ba trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Công ty TNHH đầu tư thương mại DDVN phải chịu 112.816.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm (Xác nhận Công ty TNHH Đầu tư thương mại DDVN đã nộp 13.500.000đ và 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo các Biên lai thu tiền số 0002618 ngày 06/7/2021 và số 0001881 ngày 06/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh BN).

Hoàn trả Công ty TNHH Giấy THN 57.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0002594 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh BN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh BN;
- TAND H. TD;
- Chi cục THADS H.TD;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai